

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

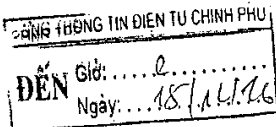
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2016/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa
ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, thị xã, thành phố
và ngân sách xã, phường, thị trấn**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020;

Xét Tờ trình số 4023/TTr-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (đính kèm phụ lục).

- Các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, thị xã, thành phố, ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 100%.

- Đối với ngân sách cấp xã (không kể phường, thị trấn): khi thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại 100% để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau khi trừ khoản trích lập Quỹ phát triển đất theo quy định).

- Ngân sách xã, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; lệ phí trước bạ nhà, đất; thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình.

Thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2017 - 31/12/2020.

Điều 2. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khoá IX - kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 08/12/2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017./.

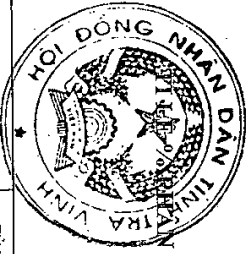
Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- TT.TU, UBND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, KBNN, Cục thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, TX, TP;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Đài PTTH, Báo TV;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng



CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VỚI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH XÃ - PHƯỜNG

THÀNH PHỐ TRÀ VINH
Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

NỘI DUNG THU	TỶ LỆ CHUNG		PHƯỜNG 1		PHƯỜNG 2		PHƯỜNG 3		PHƯỜNG 4		PHƯỜNG 5		PHƯỜNG 6		PHƯỜNG 7		PHƯỜNG 8		PHƯỜNG 9		XÃ LONG BÉ	
	TỈNH	TPTV	P.XÃ	TPTV	PHƯỜNG	TPTV	PHƯỜNG	TPTV	PHƯỜNG	TPTV	PHƯỜNG	TPTV	PHƯỜNG	TPTV	PHƯỜNG	TPTV	PHƯỜNG	TPTV	PHƯỜNG	TPTV	XÃ LONG BÉ	TPTV
01. Thuế giá trị gia tăng		66	34	70	30	80	20	90	10	60	40	65	35	85	15	90	10	20	80	60	40	40
02. Thuế thu nhập doanh nghiệp		43	57	40	60	60	40	80	20	30	70	30	70	30	70	30	70	30	70	50	50	50
03. Thu khác ngoài quốc doanh		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
04. Lệ phí trước bạ		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
05. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		90	10	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
06. Thuế thu nhập cá nhân		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
07. Thuế tiền sử dụng đất		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
08. Thuế tài nguyên		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
09. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	1
10. Thuế tiêu thụ đặc biệt			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	1
11. Phí và lệ phí																						
12. Thu khác ngân sách																						
13. Thu tài xã			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	1

Ghi chú : - Thu tiền sử dụng đất, ngân sách xã (không kể phường - thị trấn) khi thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại ngân sách xã 100%
- Phí, lệ phí và thu khác ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%
- Lệ phí trước bạ nhà, đất, ngân sách xã, thị trấn được để lại 70%

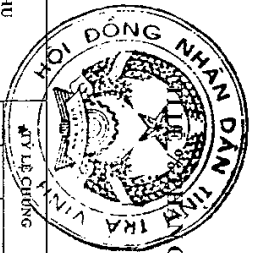


PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VỚI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ - THỊ TRẤN
HUYỆN CHÂU THÀNH

Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

NỘI DUNG THU	TỈNH		THỊ TRẤN		SÔNG LỘC		HOÀ THỦY		HOÀ LỢI		HƯNG MỸ		BA LỘC		THANH MỸ		MỸ CHANH		LƯƠNG HOÀ		LƯƠNG HOÀ A		NGUYỄN HOÀ		HOÀ MINH		LÔNG HOÀ		PHI H		
	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ			
01. Thuế giá trị gia tăng		7	93		100		100		69	31		100		100		100		100		31	69		100		100		100		100		
02. Thuế thu nhập doanh nghiệp		7	93		100		100		69	31		100		100		100		100		31	69		100		100		100		100		
03. Thuế khác ngoài quốc doanh		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
04. Lệ phí trước bạ		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
05. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
06. Thuế thu nhập cá nhân		7	93		100		100		69	31		100		100		100		100		31	69		100		100		100		100		
07. Thuế tài sản sử dụng đất		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
08. Thuế tài nguyên		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
09. Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
10. Thuế tiêu thụ đặc biệt		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
11. Phí và lệ phí																															
12. Thuế khác ngân sách																															
13. Thuế tại xã		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	

Ghi chú : - Thuế tiêu thụ đặc biệt, ngân sách xã (không kể phường - thị trấn) khi thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất và thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại ngân sách xã 100%
- Phí, lệ phí và thuế khác ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%
- Lệ phí trước bạ nhà, đất, ngân sách xã, thì trên được để lại 70%



CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VỚI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ - THỊ TRẤN

HUYỆN CẢNG LONG

Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2020

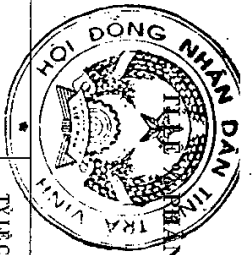
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

NỘI DUNG THU	MỨC LỆ CHUNG		THỊ TRẤN CẢNG LONG		MỸ CẨM		AN TRƯỜNG		AN TRƯỜNG A		TÂN AN		TÂN BÌNH		BÌNH PHƯỚC		HUYỆN HỒI		PHUONG THANH		NHỊ LONG		NHỊ LONG PHƯỚC		ĐỨC MỸ		BÀ THƯỚC		BÀ THƯỚC			
	TỈNH	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	
01. Thuế giá trị gia tăng		7	93	93	7		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
02. Thuế thu nhập doanh nghiệp		7	93	93	7		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
03. Thuế khác ngoài quốc doanh		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
04. Lệ phí trước bạ		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
05. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
06. Thuế thu nhập cá nhân			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
07. Thuế tiền sử dụng đất		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
08. Thuế tài nguyên		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
09. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
10. Thuế tiêu thụ đặc biệt			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
11. Phí và lệ phí																																
12. Thuế khác ngân sách																																
13. Thu tại xã			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	

Ghi chú : - Thu tiền sử dụng đất, ngân sách xã (không kể phương - thị trấn) khi thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại ngân sách xã 100%.

- Phí, lệ phí và thu khác ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó tương 100%

- Lệ phí nước ba nhà, đất, ngân sách xã, thị trấn được để lại 70%



BẢN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VỚI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ - THỊ TRẤN

HUYỆN TIỂU CẦN

Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

NỘI DUNG THU	TỰ LỆ CHUNG				THỊ TRẤN TIỂU CẦN		THỊ TRẤN CẦU QUAN		PHÚ CẦN		LONG THỚI		TÂN HOÀ		HÙNG HOÀ		TÂN HƯNG		TẬP NGẠI		NGẠI HƯNG		HIỆU TỬ		HIỆU TRUNG	
	TỈNH	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN		XÃ
01. Thuế giá trị gia tăng		6	94	40	60	30	70		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
02. Thuế thu nhập doanh nghiệp			100	100	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
03. Thuế khác ngoài quốc doanh		100		100	100	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
04. Lệ phí trước bạ		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
05. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100	100	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
06. Thuế thu nhập cá nhân		100		100	100	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
07. Thuế tiền sử dụng đất		100		100	100	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100
08. Thuế tài nguyên		100		100	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
09. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100	100	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
10. Thuế tiêu thụ đặc biệt			100	100	100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	
11. Phí và lệ phí																										
12. Thuế khác ngân sách																										
13. Thuế tại xã			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	

Ghi chú: - Thuế tiền sử dụng đất, ngân sách xã (không kể phường - thị trấn) khi thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại ngân sách xã 100%

- Phí, lệ phí và thu khác ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%

- Lệ phí trước bạ nhà, đất, ngân sách xã, thị trấn được để lại 70%



PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VỚI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ - THỊ TRẤN
HUYỆN CẦU KÈ

Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

NỘI DUNG THU	TỶ LỆ CHUNG		THỊ TRẤN CẦU KÈ		TAM NGAI		CHÂU BIÊN		NINH THỚI		PHONG PHÚ		PHONG THÀNH		THÔNG HOÀ		THÀNH PHÚ		AN PHÚ TÂN		HOÀ AN		HOÀ T					
	TỈNH	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN		XÃ				
01. Thuế giá trị gia tăng		5	95	60	40		100		100		100		100		100		100		100		100		100					
02. Thuế thu nhập doanh nghiệp		5	95	60	40		100		100		100		100		100		100		100		100		100					
03. Thu khác ngoài quốc doanh		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100				
04. Lệ phí trước bạ		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100				
05. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100			
06. Thuế thu nhập cá nhân		5	95	60	40		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100			
07. Thu tiền sử dụng đất		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		
08. Thuế tài nguyên		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		
09. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100			
10. Thuế tiêu thu đặc biệt			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100			
11. Phí và lệ phí																												
12. Thu khác ngân sách																												
13. Thu tại xã			100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100		100	

Ghi chú : - Thu tiền sử dụng đất, ngân sách xã (không kể phường - thị trấn) khi thu từ dân giả quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại ngân sách xã 100%
- Phí, lệ phí và thu khác ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%
- Lệ phí trước bạ nhà, đất, ngân sách xã, thì trấn được để lại 70%



CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VỚI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ - THỊ TRẤN

HUYỆN TRÀ CÚ

Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2020

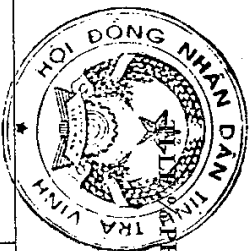
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

MỘT SỐ THU	TỶ LỆ CHUNG		THỊ TRẤN TRÀ CÚ		HUYỆN TRÀ CÚ		THÀNH SƠN		KIM SƠN		NGỌC BIÊN		AN QUANG HỮU		TẬP SƠN		TÂN SƠN		NGÃ XUYỀN		LONG HIỆP		TÂN HIỆP		HÀM GIANG		PHƯỚC HƯNG		BÌNH AN		ĐẠI LÂN		HÀM TÂN		TỔNG
	TỈNH	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ		
01. Thuế giá trị gia tăng		2	98	30	70	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
02. Thuế thu nhập doanh nghiệp		2	98	30	70	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
03. Thuế khác ngoài quốc doanh		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
04. Lệ phí trước bạ		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
05. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
06. Thuế thu nhập cá nhân		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
07. Thu tiền sử dụng đất		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
08. Thuế tài nguyên		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
09. Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
10. Thuế tiêu thụ đặc biệt		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
11. Phí và lệ phí																																			
12. Thu khác ngân sách																																			
13. Thu từ xổ số		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	

Ghi chú: - Thu tiền sử dụng đất, ngân sách xã không lệ phường - thị trấn khi thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại ngân sách xã 100%

- Phí, lệ phí và thu khác ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó tương 100%

- Lệ phí trước bạ nhà, đất, ngân sách xã, thị trấn được để lại 70%



PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VỚI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ - THỊ TRẤN
HUYỆN DUYÊN HẢI

Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

NỘI DUNG THU	TỶ LỆ CHUNG		THỊ TRẤN LONG THÀNH		NGŨ LẠC		LONG KHÁNH		LONG VINH		ĐÔNG HẢI		ĐÔNG CHÂU		ĐÔNG XUÂN		
	TỈNH	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ	HUYỆN	XÃ
01. Thuế giá trị gia tăng		14	86	50	50	50	50		100		100		100		100		100
02. Thuế thu nhập doanh nghiệp			100		100		100		100		100		100		100		100
03. Thuế khác ngoài quốc doanh		100		100		100		100		100		100		100		100	
04. Lệ phí trước bạ		100		100		100		100		100		100		100		100	
05. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100		100		100		100		100		100		100		100
06. Thuế thu nhập cá nhân		100		100		100		100		100		100		100		100	
07. Thuế tiền sử dụng đất		100		100		100		100		100		100		100		100	
08. Thuế tài nguyên		100		100		100		100		100		100		100		100	
09. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100		100		100		100		100		100		100		100
10. Thuế tiêu thu đặc biệt			100		100		100		100		100		100		100		100
11. Phí và lệ phí																	
12. Thuế khác ngân sách																	
13. Thu tại xã			100		100		100		100		100		100		100		100

Ghi chú : - Thu tiền sử dụng đất, ngân sách xã (không kể phường - thị trấn) khi thu từ dân giả quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại ngân sách xã 100%

- Phí, lệ phí và thu khác ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%

- Lệ phí trước bạ nhà, đất, ngân sách xã, thì trấn được để lại 70%

TỈ LỆ % PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VỚI NGÂN SÁCH THỊ XÃ VÀ NGÂN SÁCH XÃ - PHƯỜNG
THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

NỘI DUNG THU	TỶ LỆ CHUNG			PHƯỜNG 1		PHƯỜNG 2		LONG TOÀN		LONG HỮU		HIỆP THANH		TRƯỜNG LONG HOÀ		DÂN THÀNH	
	TỈNH	THỊ XÃ	P. XÃ	THỊ XÃ	PHƯỜNG	THỊ XÃ	PHƯỜNG	THỊ XÃ	XÃ	THỊ XÃ	XÃ	THỊ XÃ	XÃ	THỊ XÃ	XÃ	THỊ XÃ	XÃ
01. Thuế giá trị gia tăng		40	60	80	20	60	40	10	90	100	100	20	80	30	70	80	20
02. Thuế thu nhập doanh nghiệp		9	91	60	40		100		100	100	100		100		100		100
03. Thu khác ngoài quốc doanh		100		100		100		100		100		100		100		100	
04. Lệ phí trước bạ		100		100		100		100		100		100		100		100	
05. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		29	71	100		100			100	100	100		100		100		100
06. Thuế thu nhập cá nhân		100		100		100		100		100		100		100		100	
07. Thuế tiền sử dụng đất		100		100		100		100		100		100		100		100	
08. Thuế tài nguyên		100		100		100		100		100		100		100		100	
09. Thuế sử dụng đất nông nghiệp				100		100		100		100		100		100		100	
10. Thuế tiêu thụ đặc biệt				100		100		100		100		100		100		100	
11. Phí và lệ phí																	
12. Thu khác ngân sách																	
13. Thu tại xã			100		100		100		100		100		100		100		100

Ghi chú : - Thu tiền sử dụng đất, ngân sách xã (không kể phường - thị trấn) khi thu từ dân cư quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn do chính quyền cấp xã quản lý, để lại ngân sách xã 100%

- Phí, lệ phí và thu khác ngân sách cấp nào thu ngân sách cấp đó hưởng 100%

- Lệ phí trước bạ nhà, đất, ngân sách xã, thị trấn được để lại 70%